

Số: /BC-UBND

Hoàng Đạo, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện cải cách hành 9TDN, nhiệm vụ trọng tâm 3TCN 2021.

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

1. Tình hình tổ chức thực hiện:

Ngay từ đầu năm, UBND xã đã ban hành kế hoạch số 195 /KH-UBND, ngày 29/12/2020 về việc triển khai công tác cải cách hành chính năm 2021. Kế hoạch số 02/KH-UBND, ngày 14/01/2021 về tuyên truyền cải cách hành chính; kế hoạch số 03/KH-UBND, ngày 16/01/2021 về kiểm soát TTHC năm 2021.

2. Công tác kiểm tra CCHC:

UBND xã xây dựng kế hoạch số 09/KH-UBND, ngày 26/01/2021 về việc tự kiểm tra công tác CCHC năm 2021.

3. Công tác tuyên truyền CCHC:

UBND xã đã xây dựng kế hoạch số 02/KH-UBND, ngày 14/01/2021 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2021, tuyên truyền Nghị định số 61/2018/NĐ - CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính Phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, Thông tư 02/2017/TT - VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 về hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính, các thủ tục hành chính; thời gian cắt bỏ các thủ tục hành chính theo quy định...

Nội dung tuyên truyền chủ yếu là tuyên truyền các chủ trương, Chính Sách, Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, Pháp luật Nhà nước; các chương trình, kế hoạch của cấp trên và địa phương về cải cách hành chính; triển khai thực hiện cải cách hành chính theo cơ chế “một cửa, một cửa liên thông”. Chỉ đạo và kiểm tra sát sao việc thực hiện rà soát thủ tục hành chính; kết quả giải quyết các thủ tục hành chính và chế độ thông tin báo cáo theo quy định.

II. KẾT QUẢ CHỦ YẾU ĐẠT ĐƯỢC

1. Cải cách thể chế:

Đổi mới và nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản, văn bản quy phạm pháp luật: UBND xã giao cho các công chức chuyên môn chịu trách nhiệm tham mưu soạn thảo văn bản thuộc lĩnh vực mình phụ trách; giao cho công chức Tư pháp - Hộ tịch và Văn phòng - Thống kê chịu trách nhiệm thẩm định nội dung, thể thức trước khi ban hành văn bản.

Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản áp dụng pháp luật: UBND xã giao cho Công chức Tư pháp và Công chức Văn phòng chịu trách nhiệm rà soát, kiểm tra,

thẩm định nội dung, thể thức văn bản, định kỳ hàng quý, 6 tháng báo cáo kết quả rà soát, kiểm tra cho Chủ tịch UBND xã để có ý kiến chỉ đạo các ban, ngành chỉnh sửa, thay thế những văn bản sai về nội dung, thể thức văn bản và ban hành không đúng thẩm quyền. Vì vậy văn bản thuộc thẩm quyền của UBND xã ban hành hạn chế được những sai sót, chông chéo và ban hành đúng quy định, đảm bảo về nội dung và thể thức.

2. Cải cách thủ tục hành chính:

Kiểm soát việc ban hành mới các TTHC thuộc thẩm quyền: Nhằm góp phần đảm bảo tính bền vững và nâng cao hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính, thời gian qua địa phương đã quan tâm đẩy mạnh hoạt động kiểm soát việc ban hành mới các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của địa phương, cụ thể: Trên cơ sở các VBQPPL mới ban hành của cấp trên, UBND xã giao cho cán bộ kiểm soát TTHC thống kê, cập nhật các thủ tục hành chính mới ban hành, TTHC bị bãi bỏ cho các lĩnh vực chuyên môn, kịp thời tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Việc rà soát, đánh giá và thực hiện các quy định về đơn giản hóa thủ tục hành chính: Thực hiện theo Nghị định số 61/2018/NĐ - CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính Phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông. UBND xã đã tập trung chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các ban, ngành thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa theo hướng dẫn của cấp trên. Niêm yết công khai quy trình hồ sơ, biểu thu phí, lệ phí tại bộ phận “tiếp nhận và trả kết quả” của UBND xã để tổ chức, công dân được biết và thực hiện. Việc tiếp nhận hồ sơ đảm bảo đúng quy trình, thời gian quy định.

Về công khai thủ tục hành chính: Việc niêm yết công khai thủ tục hành chính được thực hiện kịp thời, số thủ tục hành chính và phí, lệ phí được công khai đầy đủ, đúng quy định tại phòng tiếp nhận và trả kết quả của bộ phận một cửa.

Kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông:

Tổng số TTHC 9TĐN: 946 thủ tục.

Trong đó: số đã giải quyết: 946 thủ tục.

Quá hạn: 05 thủ tục.

3. Cải cách tổ chức bộ máy.

- Tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong công tác, củng cố xây dựng mối quan hệ phối hợp giữa UBND xã, MTTQ và các đoàn thể.. Chỉnh đốn lề lối, tác phong làm việc, quan hệ công tác trong nội bộ cơ quan và các tổ chức, cá nhân theo quy chế hoạt động của UBND xã. Xây dựng các chương trình phối hợp hoàn thành các chỉ tiêu KT-XH năm 2021.

- Xây dựng quy chế hoạt động của cơ quan, đơn vị; quy chế văn hóa công sở; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong cơ quan; tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; vai trò, trách nhiệm của cá nhân trong thực thi các nhiệm vụ được giao.

4. Cải cách công vụ:

Hiện nay UBND xã có 18 cán bộ, công chức: trong đó cán bộ: 09; công chức 09; trình độ chuyên môn Đại học có: 17/18 Đ/c = 94,4%, cao đẳng: 01/18 đ/c = 5,6%; trình độ lý luận chính trị trung cấp 16/18 đồng chí = 88,8%; sơ cấp 02/18 đ/c = 11,2%. 01 đồng chí đang học lên đại học.

Số lượng, chất lượng cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách cấp thôn được đảm bảo bố trí đúng, đủ các chức danh chuyên môn theo quy định, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ tham mưu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của địa phương.

Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công việc.

5. Cải cách tài chính công:

Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý tài chính như cấp phát, sử dụng, thu chi, quyết toán ngân sách theo đúng nguyên tắc tài chính kế toán.

Phân bổ dự toán chi thường xuyên cho các ban, ngành theo các tiêu chí phân bổ cụ thể, rõ ràng, đảm bảo tính công bằng, hợp lý, công khai minh bạch trong quá trình phân bổ ngân sách; tăng cường công tác quản lý thực hành tiết kiệm sử dụng có hiệu quả NSNN.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử:

UBND xã áp dụng phần mềm quản lý và hồ sơ công việc cho tất cả cán bộ, công chức; 100% cán bộ, công chức sử dụng phần mềm. Việc tạo lập, xử lý văn bản trên môi trường điện tử 100%.

(Có thống kê kèm theo)

III. Những khó khăn, vướng mắc:

Việc tự cập nhật, bãi bỏ một số TTHC hết hiệu lực cũng như TTHC mới ban hành của công chức TTHC chuyên môn còn chậm dẫn đến một số TTHC hết hiệu lực vẫn còn thực hiện.

Cán bộ phân công phụ trách công tác một cửa, tiếp nhận và trả kết quả cho công dân là kiêm nhiệm nên công tác tiếp nhận và trả kết quả còn hạn chế.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP 3TCN 2021 :

1. Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng đối với nhiệm vụ CCHC theo tinh thần CCHC gắn với xây dựng và thực hiện theo quy chế dân chủ ở cơ sở.

2. Nâng cao vai trò của người đứng đầu trong lãnh đạo và điều hành. Thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của các ban chuyên môn để kịp thời có biện pháp chỉ đạo, hạn chế những yếu kém, sai sót. Nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính nhà nước theo hướng công khai, minh bạch, dân chủ và chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân.

3. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương theo Nghị định số 61/2018/NĐ - CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính Phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

4. Tăng cường công tác kiểm sát, giám sát của cấp uỷ, chính quyền trong triển khai nội dung, nhiệm vụ CCHC kịp thời nhân rộng các mô hình thực hiện có hiệu quả, phát hiện xử lý những cán bộ, công chức sai phạm trong thực hiện nhiệm vụ CCHC.

6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về CCHC, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức và nhân dân về pháp luật trong công tác cải cách hành chính.

Nơi nhận:

- UBND huyện (B/c);
- Phòng NV huyện (b/c)
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hoàng Đình Hợp

Phụ lục 1
THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo 9TDN 2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1	Kế hoạch CCHC			
1.1.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	5	
1.1.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
1.1.3	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	4	
1.2	Kiểm tra CCHC			
1.2.1	Số bộ phận, công chức chuyên môn cấp xã đã kiểm tra	Bộ phận, công chức CM	0	
1.2.2	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
1.2.3	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
1.3	Thực hiện nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao			
1.3.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	0	
1.3.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	0	
1.3.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
1.4	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	0	
1.4.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
1.5	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn	Không = 0 Có = 1	0	
2	Cải cách thể chế			
2.1	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo 9TDN 2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.2	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	0	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	0	
2.5	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	0	
3	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1	Thống kê TTHC			
3.1.1	Số TTHC/ danh mục TTHC thuộc thẩm quyền quản lý công bố mới	Thủ tục	0	
3.1.2	Số TTHC thuộc thẩm quyền bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.1.3	Tổng số TTHC đang áp dụng	Thủ tục	0	
3.2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông		0	
3.2.1	Số TTHC đưa vào thực hiện theo cơ chế một cửa tại cấp xã	Thủ tục	110	
3.2.2	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	80	
3.2.3	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	0	
3.2.4	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ (Theo quy trình ISO)	%	100	
3.2.5	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.3.1	Số lượng hồ sơ đã tiếp nhận	Số lượng hồ sơ		
Trong đó	<i>Tiếp nhận trực tiếp</i>	Số lượng hồ sơ	0	
	<i>Tiếp nhận qua BCCI</i>	Số lượng hồ sơ		
	<i>Tiếp nhận trực tuyến mức độ 3</i>	Số lượng hồ sơ	140	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo 9TDN 2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Tiếp nhận trực tuyến mức độ 4	Số lượng hồ sơ	184	
3.3.2	Số lượng hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	Số lượng hồ sơ	946	
Trong đó	Trả trực tiếp	nt	622	
	Trả qua BCCI	nt		
	Giải quyết trực tuyến mức độ 3	nt	140	
	Giải quyết trực tuyến mức độ 4	nt	184	
3.3.3	Số lượng hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn	Số lượng hồ sơ	0	
3.3.4	Số lượng hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn	Số lượng hồ sơ	0	
3.4	Công khai kết quả giải quyết			
3.4.1	Công khai kết quả giải quyết trên Cổng dịch vụ công của tỉnh	Số hồ sơ đã giải quyết		
3.4.2	Công khai kết quả giải quyết trên trang TTĐT của đơn vị	Số hồ sơ đã giải quyết	946	
3.4.3	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.	Thủ tục	0	
3.5	Số thư/ trường hợp đã công khai xin lỗi		0	
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1	Số liệu về biên chế cán bộ (theo NĐ 34)	Người	10	
4.2	Số liệu về biên chế công chức (theo NĐ34)	Người	9	
4.3	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	19	
5	Cải cách chế độ công vụ			
5.1	Thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính; Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).		0	
5.2	Xây dựng kế hoạch kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính hoặc hội nghị triển khai thực hiện	Có ban hành hoặc triển khai KH = 1	1	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo 9TĐN 2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
		Không ban hành; triển khai KH = 0		
5.3	Số lãnh đạo cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
5.4	Số lượng công chức cấp xã bị kỷ luật	Người	0	
6	Cải cách tài chính công			
6.1.	Đơn vị đã thực hiện xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ	Có ban hành QC = 1 Không ban hành QC = 0	1	
6.2.	Đơn vị đã thực hiện Quy chế quản lý tài sản công	Có ban hành QC = 1 Không ban hành QC = 0	1	
7	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử			
7.1.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến	Có = 1 Chưa có = 0	1	
7.2	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử	Văn bản		
7.2.1	Tổng số VĂN BẢN ĐẾN trên địa bàn xã	Văn bản	578	
7.2.2	Tổng số VĂN BẢN ĐI trên địa bàn xã	Văn bản	156	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	100	
7.3	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử	Đã vận hành = 1 Chưa = 0	1	
7.4	Kết nối liên thông với Hệ thống một cửa điện tử cấp huyện, tỉnh	Đã kết nối = 1 Chưa kết nối = 0	1	
7.5	Dịch vụ công trực tuyến			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo 9TĐN 2021)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.5.1	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	90	
7.5.2	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC		
7.6	Thực hiện duy trì, áp dụng hệ thống tại UBND cấp xã	Có thực hiện = 1 Không thực hiện = 0	1	